TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 01 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX - ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T - Sinh năm 1986
Địa chỉ: Xóm Liên Thành, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th - Sinh năm 1978
Địa chỉ: Xóm Liên Thành, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 13/9/2017 cũng như lời khai của chị Đinh Thị T trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Th vào tháng 9/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị và

anh Th chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh Th luôn bất đồng về quan điểm sống và do anh Th chơi bời không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng anh Th không thay đổi. Từ tháng 4/2011 đến nay chị và anh Th sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Th. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Th có một con chung là cháu Nguyễn Thị Như Hoa sinh ngày 07/5/2009, hiện chị đang nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Th không có tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Th vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh Th có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Đinh Thị T về việc kết hôn giữa anh và chị T. Sau khi kết hôn anh và chị T sống chung tại xã N đến năm 2015 anh phải đi cải tạo ở trại giam N thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2016 thì chị T sống không còn tình cảm với anh và đến tháng 8/2017 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh xác định giữa anh và chị T vẫn còn tình cảm vợ chồng và vì con chung nên anh không nhất trí ly hôn chị Đinh Thị T. Về con chung giữa anh và chị Đinh Thị T có một chung là cháu Nguyễn Thị Như H sinh ngày 07/5/2009, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị T không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí đề nghị giải quyết chị Đinh Thị T phải nộp toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Tvà anh Nguyễn Văn Th. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Như Hoa sinh ngày 07/5/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Thkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Đinh Thị Tphải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Th đều cư trú tại xã N huyện N, chị Đinh Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th và Tòa án nhân dân huyện N, thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Th đã được Tòa án nhân dân huyện N triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Th vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Th được tổ chức kết hôn vào tháng 9/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T và anh Th chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống và còn do anh Th chơi bời không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Th không được cải thiện và chị T đã sống ly thân với anh Th nhiều năm nay. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T xin ly hôn anh Th nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Th không nhất trí ly hôn chị T và xin đoàn tụ với lý do vợ chồng vẫn còn tình cảm và vì con chung thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Th không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Th có một con chung là cháu Nguyễn Thị Như H sinh ngày 07/5/2009, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Nay chị T và anh Th đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy cháu Hoa có nguyện vọng được ở cùng chị T và chị T nhiều năm nay vẫn bảo đảm nuôi dưỡng cháu Hoa tốt nên chấp nhận đề nghị của chị T và giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng và anh không buộc Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoa là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Tvà anh Nguyễn Văn Thđều khai thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Tvà anh Nguyễn Văn Th.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như H sinh ngày 07/5/2009 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng (chị Đinh Thị T đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như H), anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị Tđối với cháu Nguyễn Thị Như H. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06046 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị Đinh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng